

IDICO-IDI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2016

Đơn vị kế toán : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO
Mã số thuế : 0302095576
Giấy ĐKKD : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM
Địa chỉ : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 37503042 Fax: 08 37502825

Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

TP Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.180.402.015	77.102.455.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.835.192.207	8.336.932.869
1. Tiền	111	V.01	9.835.192.207	8.336.932.869
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	56.402.239.082	38.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.402.239.082	38.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.348.549.289	15.443.026.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		19.690.729.093	2.861.861.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.854.006.768	4.584.796.106
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	6.548.241.589	8.740.796.861
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(744.428.161)	(744.428.161)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	5.534.929.754	14.866.198.585
1. Hàng tồn kho	141		5.534.929.754	14.866.198.585
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.491.683	456.297.622
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	395.233.939
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	59.491.683	61.063.683
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.184.672.069.913	1.190.029.262.993
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.930.773.120	17.930.773.120
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.07	17.930.773.120	17.930.773.120
II. Tài sản cố định	220		1.025.530.943.143	1.085.653.567.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.025.432.239.590	1.085.540.485.530
- Nguyên giá	222		1.789.066.687.968	1.789.066.687.968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(763.634.448.378)	(703.526.202.438)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	98.703.553	113.082.127
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(817.021.247)	(802.642.673)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		139.440.244.261	84.625.950.047
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	139.440.244.261	84.625.950.047
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.770.109.389	1.818.972.169
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	48.862.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	1.770.109.389	1.770.109.389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.296.852.471.928	1.267.131.718.235



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		897.444.606.922	897.592.502.446
I. Nợ ngắn hạn	310		77.756.584.139	81.662.840.431
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.408.090.560	17.934.535.706
2. Người mua trả tiền trước	312		0	15.000.000.000
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.361.830.957	2.791.074.299
4. Phải trả người lao động	314		1.273.617.782	6.837.709.757
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	54.402.187.790	35.402.187.790
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.734.825.251	3.421.708.594
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.576.031.799	275.624.285
II. Nợ dài hạn	330		819.688.022.783	815.929.662.015
6. Phải trả dài hạn khác	336	V.19	7.210.914.011	7.210.914.011
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.20	812.477.108.772	808.718.748.004
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		399.407.865.006	369.539.215.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	399.407.865.006	369.539.215.789
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.232.017.206	29.299.599.171
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.683.847.800	90.747.616.618
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		80.926.691.069	32.977.466.330
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.757.156.731	57.770.150.288
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.296.852.471.928	1.267.131.718.235

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ



Giám đốc

Nguyễn Hồng Ninh

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM

Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	123.762.807.035	73.841.344.950	230.844.389.186	142.886.485.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		123.762.807.035	73.841.344.950	230.844.389.186	142.886.485.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	87.313.056.971	40.917.327.208	161.755.028.931	79.515.334.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		36.449.750.064	32.924.017.742	69.089.360.255	63.371.151.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	306.567.998	426.873.717	656.686.042	1.098.617.095
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.966.825.974	6.099.980.968	13.471.455.958	11.885.839.942
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.966.825.974	6.099.980.968	13.471.455.958	11.885.839.942
8. Chi phí bán hàng	24		8.529.800.335	9.312.804.698	15.283.630.900	16.905.225.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.784.231.242	3.854.135.504	6.610.377.942	8.484.328.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		17.475.460.511	14.083.970.289	34.380.581.497	27.194.374.703
11. Thu nhập khác	31		40.136.980	13.138.999	122.836.116	56.447.699
12. Chi phí khác	32		16.200.000	-	22.200.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		23.936.980	13.138.999	100.636.116	56.447.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.499.397.491	14.097.109.288	34.481.217.613	27.250.822.402
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	874.969.875	704.855.464	1.724.060.882	1.362.541.120
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.624.427.616	13.392.253.824	32.757.156.731	25.888.281.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	666	537	1.313	1.038

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập

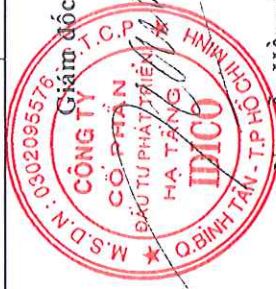


Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		222.050.545.000	159.845.563.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(92.983.451.972)	(46.795.349.523)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.112.120.897)	(22.058.817.681)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(13.471.455.958)	(11.885.839.942)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.594.457.428)	(1.157.497.570)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.119.796.594	21.993.782.036
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.023.586.183)	(25.034.743.939)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		75.985.269.156	74.907.096.381
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.154.334.046)	(61.932.474.554)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(52.000.000.000)	(98.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.000.000.000	96.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	23.482.780.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		254.446.960	1.016.616.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.899.887.086)	(39.433.077.859)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		46.425.536.765	52.972.986.763
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.667.175.997)	(45.966.152.591)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(345.483.500)	(39.226.554.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.412.877.268	(32.219.720.768)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.498.259.338	3.254.297.754
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.336.932.869	8.717.294.888
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	9.835.192.207	11.971.592.642

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ



Giám đốc

Nguyễn Hồng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý II năm 2016**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/09/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Suong - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2016

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam	47,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	42,5%

2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 28/09/2011 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý II năm 2016**

(Tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính hướng dẫn theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính kể từ năm tài chính 2015, Số dư đầu kỳ được điều chỉnh phù hợp với thông tư này

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T' An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý doanh nghiệp, Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý II năm 2016**

(Tiếp theo)

6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính; Kể từ 10/12/2012, áp dụng theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính

8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

13 Các bên liên quan:

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
1 Tiền		
Tiền mặt	6.764.877.539	5.752.571.348
Tiền gửi ngân hàng	3.070.314.668	2.584.361.521
Cộng	<u>9.835.192.207</u>	<u>8.336.932.869</u>
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2016	01/01/2016
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn)	56.402.239.082	38.000.000.000
Cộng	<u>56.402.239.082</u>	<u>38.000.000.000</u>
3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2016	01/01/2016
Tạm ứng	5.470.142.089	7.527.183.857
Ký quỹ ký cược	191.733.742	142.550.716
Phải thu khác	886.365.758	1.071.062.288
Cộng	<u>6.548.241.589</u>	<u>8.740.796.861</u>

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

4	Hàng tồn kho	30/06/2016	01/01/2016
	Nguyên liệu, vật liệu	436.389.330	459.324.810
	Công cụ, dụng cụ	69.729.196	34.227.650
	Chi phí sản xuất dở dang	5.028.811.228	14.372.646.125
	Cộng	5.534.929.754	14.866.198.585
(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:		5.028.811.228	14.372.646.125
	Chăm sóc cây xanh cầu Phú Mỹ	433.634.456	
	Thi công Cầu Mương Lớn II và Cầu Rạch Rộp II	4.299.435.087	14.076.904.440
	Thi công hạ tầng dự án KDC mở rộng Phường 6, Tân An, Long An	295.741.685	295.741.685
5	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30/06/2016	01/01/2016
	Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
	Thuế GTGT	-	1.572.000
	Cộng	59.491.683	61.063.683

8	Tăng giảm tài sản cố định hữu hình					
	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	Nguyên giá					
	Số dư 01/01/2016	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
	- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
	-ĐT XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
	- Giảm theo TT 45/2013					
	Số dư 30/06/2016	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
	Giá trị hao mòn lũy kế					
	Số dư 01/01/2016	693.426.174.641	6.711.510.740	3.118.796.681	269.720.376	703.526.202.438
	- Khấu hao trong kỳ	59.592.551.520	82.229.892	388.265.886	45.198.642	60.108.245.940
	- Thanh lý, nhượng bán					
	- Giảm theo TT 45/2013					
	Số dư 30/06/2016	753.018.726.161	6.793.740.632	3.507.062.567	314.919.018	763.634.448.378
	Giá trị còn lại					
	Số dư 01/01/2016	1.077.005.049.620	2.046.075.862	5.864.987.919	624.372.129	1.085.540.485.530
	Số dư 30/06/2016	1.017.412.498.100	1.963.845.970	5.476.722.033	579.173.487	1.025.432.239.590

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

8.254.948.139

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2016	-	-	-	915.724.800	915.724.800
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
-ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2016	-	-	-	915.724.800	915.724.800
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2016	-	-	-	802.642.673	802.642.673
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	14.378.574	14.378.574
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2016	-	-	-	817.021.247	817.021.247
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2016	-	-	-	113.082.127	113.082.127
Số dư 30/06/2016	-	-	-	98.703.553	98.703.553

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2016	01/01/2016
Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12	3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A	47.725.980.837	16.198.603.565
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2	83.159.495.951	64.631.937.229
Các dự án khác	3.476.187.405	19.608.311
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.586.779.126	284.000.000
Cộng	139.440.244.261	84.625.950.047

14 Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2016	01/01/2016
Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)	-	-
Phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013	-	48.862.780
Cộng	-	48.862.780

15 Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2016	01/01/2016
Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động (tại BIDV, EXIMBANK)	-	-
Cộng	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

	30/06/2016	01/01/2016
16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	1.363.199.872	-
Thuế TNDN	874.969.875	2.745.366.421
Thuế TNCN	123.661.210	45.707.878
Cộng	<u>2.361.830.957</u>	<u>2.791.074.299</u>
17 Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2016	01/01/2016
Trích trước chi phí khấu hao dự án Cầu vượt Hương lộ 2	-	-
Trích trước chi phí duy tu sửa chữa	54.402.187.790	35.402.187.790
Cộng	<u>54.402.187.790</u>	<u>35.402.187.790</u>
18 Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	-	50.100.174
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả các đội thi công của Công ty	3.628.194.716	2.093.735.980
Cổ tức	488.036.690	833.520.190
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	618.593.845	444.352.250
Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn	<u>4.734.825.251</u>	<u>3.421.708.594</u>
19 Phải trả dài hạn khác	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL	4.122.306.000	4.122.306.000
Phải trả IDICO-LINCO	3.088.608.011	3.088.608.011
Cộng phải trả phải nộp dài hạn	<u>7.210.914.011</u>	<u>7.210.914.011</u>
20. Vay và nợ dài hạn	30/06/2016	01/01/2016
Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A (HĐTĐ số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011 ký kết với EXIMBANK- CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm)	557.469.000.000	581.469.000.000
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2 (HĐTĐ số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014 ký kết với EXIMBANK- CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm)	255.008.108.772	227.249.748.004
Cộng	<u>812.477.108.772</u>	<u>808.718.748.004</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

22 **Vốn chủ sở hữu**

a- **Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2015	249.492.000.000	7.145.458.137	17.763.056.552	79.116.889.346	353.517.404.035
Tăng trong kỳ trước	-	-	11.536.542.619	57.770.150.288	69.306.692.907
Lãi	-	-	-	57.770.150.288	57.770.150.288
Chuyển theo TT200	-	-	7.145.458.137	-	7.145.458.137
PP lợi nhuận	-	-	4.391.084.482	-	4.391.084.482
Giảm trong kỳ trước	-	7.145.458.137	-	46.139.423.016	53.284.881.153
Chia cổ tức	-	-	-	39.918.720.000	39.918.720.000
Chuyển theo TT200	-	7.145.458.137	-	-	7.145.458.137
PP lợi nhuận	-	-	-	6.220.703.016	6.220.703.016
Số dư 31/12/2015	249.492.000.000	-	29.299.599.171	90.747.616.618	369.539.215.789
Số dư 01/01/2016	249.492.000.000	-	29.299.599.171	90.747.616.618	369.539.215.789
Tăng trong kỳ	-	-	6.932.418.035	32.757.156.731	39.689.574.766
Lãi	-	-	-	32.757.156.731	32.757.156.731
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	6.932.418.035	-	6.932.418.035
Giảm trong kỳ	-	-	-	9.820.925.549	9.820.925.549
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	9.820.925.549	9.820.925.549
Số dư 31/03/2016	249.492.000.000	-	36.232.017.206	113.683.847.800	399.407.865.006

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của cổ đông

Cộng

30/06/2016

01/01/2016

249.492.000.000

249.492.000.000

249.492.000.000

249.492.000.000

c. **Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp tăng trong kỳ

Vốn góp giảm trong kỳ

Vốn góp cuối kỳ

30/06/2016

01/01/2016

249.492.000.000

249.492.000.000

249.492.000.000

249.492.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

	30/06/2016	01/01/2016
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2015 là 12%		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
e. Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
f. Các quỹ của DN	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	36.232.017.206	29.299.599.171
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Cộng	<u>36.232.017.206</u>	<u>29.299.599.171</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	83.236.490.900	73.406.940.950
Doanh thu xây lắp	40.032.162.135	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	494.154.000	434.404.000
Cộng	<u>123.762.807.035</u>	<u>73.841.344.950</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	83.236.490.900	73.406.940.950
Doanh thu xây lắp	40.032.162.135	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	494.154.000	434.404.000
Cộng	<u>123.762.807.035</u>	<u>73.841.344.950</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
26 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	47.638.500.533	40.526.363.608
Giá vốn xây lắp	39.229.817.838	-
Giá vốn hoạt động dịch vụ công ích	444.738.600	390.963.600
Cộng	87.313.056.971	40.917.327.208
27 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	306.567.998	426.873.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính chuyển nhượng vốn PACKSIMEX	-	-
Cộng	306.567.998	426.873.717
28 Chi phí tài chính	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Chi phí lãi vay	6.966.825.974	6.099.980.968
Cộng	6.966.825.974	6.099.980.968
29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	874.969.875	704.855.464
Cộng	874.969.875	704.855.464
30 Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.624.427.616	13.392.253.824
<p><i>(*) Trong kỳ, do tăng trường lưu lượng xe qua Trạm thu phí An Suong An Lạc làm cho doanh thu thu phí trong kỳ tăng 9.829.549.950 đồng (13,39%) so với cùng kỳ năm trước kết hợp với việc tăng giá vốn tương xứng với doanh thu là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 24,13% so với cùng kỳ năm 2015.</i></p>		
<p>- Các khoản điều chỉnh giảm</p>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	16.624.427.616	13.392.253.824
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	666	537

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

31 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.397.691.897	7.756.209.732
Chi phí nhân công	13.965.275.129	16.447.824.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.815.228.958	24.735.143.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.056.060.628	2.036.939.106
Chi phí khác bằng tiền	1.285.135.588	1.813.046.113
Tổng cộng	65.519.392.200	52.789.163.501

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2016)	Phát sinh nợ (01/01->30/06)	Phát sinh có (01/01->30/06)	Số dư cuối kỳ (30/06/2016)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
IDICO	(Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)				11.850.870 cổ phần
Phải thu 131	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	-	-	-	
IDICO-UDICO	(Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)				2.494.920 cổ phần
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	-	-	-	

2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015, báo cáo tài chính quý 2 năm 2015

3 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý II năm 2016

(Tiếp theo)

4 Những thông tin khác

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập

Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc

Nguyễn Hồng Ninh